

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

**Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán**

(Tiếp theo Công báo số 49 + 50)

Chương VIII

QUẢN TRỊ CÔNG TY ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 269. Nguyên tắc áp dụng pháp luật về quản trị công ty đối với công ty đại chúng là tổ chức tín dụng

Trường hợp quy định về quản trị công ty tại Nghị định này khác với pháp luật về các tổ chức tín dụng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

Điều 270. Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định tại Nghị định này và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Điều lệ mẫu và mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Mục 2

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 271. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông công ty đại chúng có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 và Điều 127 Luật Chứng khoán, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 272. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 273. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty đại chúng quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Hàng năm, công ty đại chúng phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.

5. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 3

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 274. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách

trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 275. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của 01 công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 276. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 11 người.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

3. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình nêu trên có ít hơn 05 người, công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Điều 277. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung

cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 278. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty.

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty.

4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định này.

7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác của công ty.

9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định này.

Điều 279. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp và điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 280. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết).

5. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

7. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc (Giám đốc).

8. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

9. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 281. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 4

THÀNH VIÊN ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 282. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Công ty đại chúng tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 283. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

7. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.

Điều 284. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông.

Mục 5

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 285. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 274 Nghị định này.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 286. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

Điều 287. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 288. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định này.

Điều 289. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 290. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông.

Mục 6**NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

Điều 291. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 292. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty đại chúng phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 293. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.

2. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015.

3. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Công ty đại chúng và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc),

người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm c khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 294. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty đại chúng phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty đại chúng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Mục 7**BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN****Điều 295. Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 296. Báo cáo và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty

Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi.

Điều 297. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty đại chúng phải báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty đại chúng có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ 06 tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 298. Công bố thông tin về thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc)

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 299. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 291 Nghị định này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Điều 300. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty đại chúng phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Chương IX
CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Mục 1
ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG QUẢN LÝ GIÁM SÁT
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 301. Giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán

1. Giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán là hoạt động thu thập, phân tích thông tin nhằm xác định nguy cơ, rủi ro hệ thống đe dọa đến an ninh, an toàn của thị trường chứng khoán để đưa ra phương án, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn thị trường chứng khoán.

2. Các nguy cơ, rủi ro hệ thống là các tình huống sau hoặc khi có dấu hiệu cho thấy các tình huống sau có thể xảy ra:

a) Một công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quy mô lớn hoặc một số công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ngừng hoạt động hoặc giải thể, phá sản;

b) Khi xảy ra hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động của thị trường hoặc khi có biến động đáng kể của một hoặc một số yếu tố sau ở quy mô toàn thị trường: tổng giá trị vốn hóa, tổng giá trị giao dịch/phiên, tổng giá trị vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài trên thị trường chứng khoán, tổng giá trị cho vay giao dịch ký quỹ tại các công ty chứng khoán, tổng giá trị danh mục ủy thác đầu tư tại các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Có sự kiện ảnh hưởng tiêu cực đến việc vận hành một cách ổn định, trật tự, thông suốt của thị trường chứng khoán hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân ở quy mô toàn thị trường.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thường xuyên thực hiện giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, xây dựng cơ chế phối hợp thực hiện giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán; chủ trì, phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tổ chức diễn tập triển khai kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống trong trường hợp cần thiết.

4. Sở giao dịch chứng khoán, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện giám sát an ninh, an toàn đối với thị trường giao dịch chứng khoán. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và thành viên thực hiện giám sát an ninh, an toàn đối với hệ thống đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán theo định kỳ hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc trong trường hợp đột xuất khi phát hiện nguy cơ, rủi ro hệ thống liên quan đến hoạt động của mình, trong đó bao gồm cả kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống.

5. Căn cứ kết quả hoạt động giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, định kỳ hàng năm Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm tổ chức diễn tập triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống liên quan đến hoạt động của mình, giám sát hoạt động diễn tập của thành viên. Thành viên của Sở giao dịch chứng khoán, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán có trách nhiệm phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong xây dựng, triển khai, diễn tập kế hoạch ứng phó, khắc phục nguy cơ, rủi ro hệ thống. Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên của Sở giao dịch chứng khoán, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

Nam, ngân hàng thanh toán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của mình về kết quả diễn tập trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc diễn tập.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong giám sát an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức triển khai kế hoạch, giải pháp, biện pháp để ứng phó, khắc phục, xử lý tác động từ khủng hoảng tài chính, khủng hoảng kinh tế hoặc biến động lớn của nền kinh tế ở phạm vi quốc gia, khu vực và thế giới có ảnh hưởng đến tính ổn định, an toàn và toàn vẹn của thị trường chứng khoán.

Điều 302. Ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán

1. Hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán bao gồm:

a) Phát hiện, xác định sự cố, sự kiện, biến động thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán;

b) Xác minh, phân tích, đánh giá, phân loại sự cố, sự kiện, biến động thị trường chứng khoán;

c) Thực hiện các biện pháp nhằm giới hạn phạm vi ảnh hưởng, hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra;

d) Triển khai phương án ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động thị trường chứng khoán theo các cấp độ ảnh hưởng: toàn thị trường hoặc toàn bộ hoạt động, phần lớn thị trường hoặc phần lớn hoạt động, một phần thị trường hoặc một phần hoạt động;

đ) Xác minh nguyên nhân, xử lý hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

a) Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động có ảnh hưởng đến một phần hoặc toàn bộ thị trường giao dịch chứng khoán hoặc hoạt động trên thị trường chứng khoán;

b) Trường hợp có biến động lớn ảnh hưởng đến an ninh, an toàn thị trường chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, đồng thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình thị trường và các giải pháp để ổn định thị trường và bảo đảm an ninh, an toàn tài chính.

3. Trong hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được thực hiện các biện pháp sau:

a) Yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

b) Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán cơ sở, thị trường chứng khoán phái sinh của Sở giao dịch chứng khoán;

c) Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Yêu cầu Sở giao dịch chứng khoán thay đổi giờ mở cửa giao dịch, thu hẹp biên độ dao động giá, ngắt mạch thị trường đối với các giao dịch khớp lệnh liên tục hoặc các biện pháp kỹ thuật khác;

đ) Thực hiện các biện pháp kiểm soát, hạn chế hoặc cấm thực hiện một hoặc một số hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn theo quy định pháp luật;

e) Các biện pháp cần thiết khác sau khi được Bộ trưởng Bộ Tài chính chấp thuận.

4. Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thực hiện hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường giao dịch chứng khoán hoặc ảnh hưởng đến an toàn, ổn định của hệ thống đăng ký, lưu ký, thanh toán, bù trừ chứng khoán. Ngân hàng thanh toán thực hiện hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán.

5. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có trách nhiệm thực hiện hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán trong phạm vi liên quan đến hoạt động của đơn vị mình.

6. Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhưng không chậm hơn 24 giờ khi xảy ra sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán liên quan đến hoạt động của mình và phương án ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán; báo cáo thường xuyên hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về quá trình thực hiện, kết quả thực hiện phương án ứng phó, khắc phục.

Điều 303. Tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán

1. Sở giao dịch chứng khoán thực hiện tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 Luật Chứng khoán và theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sở giao dịch chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi áp dụng biện pháp này.

2. Sở giao dịch chứng khoán quy định cụ thể tại quy chế của Sở giao dịch chứng khoán việc thực hiện biện pháp tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

3. Sở giao dịch chứng khoán phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình trong thời hạn 24 giờ khi áp dụng hoặc hủy bỏ áp dụng biện pháp tạm ngừng, đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 304. Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Chứng khoán, sau khi được Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán phải thực hiện đóng cửa một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch của thị trường giao dịch chứng khoán, bao gồm cả thị trường chứng khoán cơ sở và thị trường chứng khoán phái sinh và công bố về việc này trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 305. Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Chứng khoán, thực hiện việc khôi phục một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Chứng khoán, sau khi được Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không quá 05 ngày làm việc. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét gia hạn thời hạn tạm ngừng đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời gian gia hạn thêm mỗi lần không quá 05 ngày làm việc.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi quyết định tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện dừng một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng khoán và công bố về việc này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Mục 2**ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH, AN TOÀN THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN TRONG PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VI PHẠM
PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN****Điều 306. Các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán**

1. Các biện pháp quy định tại điểm e, điểm g khoản 1 Điều 7 Luật Chứng khoán sau đây gọi chung là các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn.

2. Biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Chứng khoán được áp dụng đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm.

3. Biện pháp cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn quy định tại điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Chứng khoán được áp dụng cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại khoản 14 Điều 4 Luật Chứng khoán, bao gồm các biện pháp sau:

a) Cấm chào bán, phát hành chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn;

- b) Cấm niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn;
- c) Cấm hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn;
- d) Cấm thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chứng thuộc lĩnh vực chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn;
- đ) Cấm giao dịch chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn.

4. Biện pháp phong tỏa tài khoản chứng khoán, yêu cầu người có thẩm quyền phong tỏa tài khoản tiền có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán được áp dụng trong các trường hợp sau:

- a) Khi cần xác minh tình tiết làm căn cứ để ban hành quyết định xử lý vi phạm về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Khi có căn cứ xác định tổ chức, cá nhân đang thực hiện vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và biện pháp phong tỏa tài khoản chứng khoán, phong tỏa tài khoản tiền là cần thiết nhằm ngăn chặn tổ chức, cá nhân tiếp tục thực hiện vi phạm hoặc khi cần ngăn chặn ngay hành vi tẩu tán tiền, chứng khoán có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- c) Theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

5. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán thì bị cấm thực hiện một hoặc một số hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn từ 02 năm đến tối đa 03 năm, bị cấm đảm nhiệm chức vụ tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán có thời hạn từ 02 năm đến tối đa 03 năm.

Tổ chức, cá nhân đã bị xử phạt vi phạm hành chính do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán mà tái phạm, vi phạm từ 02 lần trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một trong các tội danh về chứng khoán được quy định tại Bộ luật Hình sự thì bị cấm thực hiện một hoặc một số hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn từ 03 năm đến tối đa 05 năm, bị cấm đảm nhiệm chức vụ tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán có thời hạn từ 03 năm đến tối đa 05 năm.

6. Tổ chức, cá nhân đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một trong các tội danh về chứng khoán được quy định tại Bộ luật Hình sự mà tiếp tục thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán thì bị cấm tham gia một hoặc một số hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán vĩnh viễn, bị cấm đảm nhiệm chức vụ tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán vĩnh viễn.

Điều 307. Trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn

1. Căn cứ vào quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc căn cứ vào bản án có hiệu lực của Tòa án, kiến nghị của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vụ việc, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước áp dụng một hoặc một số biện pháp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 306 Nghị định này nhằm phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 306 Nghị định này được thể hiện dưới hình thức quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong quyết định phải nêu rõ các thông tin: căn cứ áp dụng; tên và địa chỉ đối tượng bị áp dụng; biện pháp áp dụng; thời hạn áp dụng và thời điểm bắt đầu áp dụng; các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân này; người chịu trách nhiệm theo dõi đơn đốc thi hành.

3. Quyết định áp dụng biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn hoặc vĩnh viễn phải được gửi cho đối tượng bị áp dụng, tổ chức, cá nhân liên quan và được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành. Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được quyết định, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán nơi có cá nhân bị áp dụng là người nội bộ hoặc người hành nghề chứng khoán phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình quyết định này.

4. Trường hợp bị áp dụng biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thời hạn, tổ chức, cá nhân phải dừng ngay việc đảm nhiệm chức vụ hoặc dừng ngay việc thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán bị cấm. Trong thời gian bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tổ chức, cá nhân không được cấp mới giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận liên quan đến hoạt động chứng khoán.

5. Trường hợp bị áp dụng biện pháp cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán vĩnh viễn, tổ chức, cá nhân bị thu hồi, hủy bỏ, từ chối cấp mới giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận liên quan đến hoạt động chứng khoán, chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

Tổ chức, cá nhân không được đảm nhiệm chức vụ, thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán bị cấm cho tới khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ việc áp dụng biện pháp này.

Điều 308. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp phong tỏa tài khoản chứng khoán, yêu cầu người có thẩm quyền phong tỏa tài khoản tiền có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

1. Biện pháp phong tỏa tài khoản chứng khoán được thực hiện như sau:

a) Khi có căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 306 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành quyết định phong tỏa tài khoản chứng khoán, nêu rõ các thông tin: căn cứ áp dụng; tên và địa chỉ đối tượng bị áp dụng; thông tin về các tài khoản chứng khoán bị phong tỏa; thời hạn áp dụng và thời điểm bắt đầu áp dụng biện pháp phong tỏa; các tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân này; người chịu trách nhiệm theo dõi đơn đốc thi hành;

b) Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, quyết định áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản chứng khoán phải được gửi cho đối tượng bị áp dụng, công ty chứng khoán nơi có tài khoản bị phong tỏa, tổ chức, cá nhân liên quan, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được quyết định, công ty chứng khoán nơi có tài khoản bị phong tỏa phải thực hiện phong tỏa tài khoản giao dịch, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phải thực hiện phong tỏa chứng khoán trên tài khoản lưu ký chứng khoán liên quan đồng thời thông báo cho chủ tài khoản về việc này;

d) Khi hết thời hạn phong tỏa ghi tại quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán nơi có tài khoản bị phong tỏa thực hiện giải tỏa tài khoản giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện giải tỏa chứng khoán trên tài khoản lưu ký chứng khoán liên quan đồng thời thông báo cho chủ tài khoản về việc này.

2. Biện pháp yêu cầu người có thẩm quyền phong tỏa tài khoản tiền được thực hiện như sau:

a) Khi có căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 306 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng nơi đối tượng bị đề nghị áp dụng có tài khoản tiền hành phong tỏa tài khoản, nêu rõ các thông tin: căn cứ áp dụng; tên và địa chỉ đối tượng bị đề nghị áp dụng; thông tin về các tài khoản bị đề nghị phong tỏa; thời hạn áp dụng và thời điểm bắt đầu áp dụng biện pháp phong tỏa; các tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng phong tỏa tài khoản phải gửi cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền liên quan;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng phải quyết định về việc phong tỏa tài khoản đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đối tượng có tài khoản bị phong tỏa biết. Trường hợp từ chối thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần yêu cầu phong tỏa tài khoản, tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

d) Việc phong tỏa, giải tỏa tài khoản của tổ chức tín dụng, người có thẩm quyền tại tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 309. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Nghị định này thay thế các văn bản sau:

a) Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

b) Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

c) Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

d) Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

3. Nghị định này bãi bỏ Điều 13, Điều 14 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 310. Điều khoản chuyển tiếp

1. Công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Nghị định này.

2. Công ty đại chúng đang trong thời gian thực hiện thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng cho đến thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hủy tư cách công ty đại chúng được thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần theo phương thức chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Nghị định này.

3. Quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định này được áp dụng sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

4. Công ty đại chúng có cổ phiếu quỹ đã mua trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực được bán cổ phiếu quỹ, dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên. Các công ty trên không được mua lại cổ phiếu của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý số cổ phiếu quỹ đã mua trước đó trừ trường hợp mua lại cổ phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

5. Trường hợp công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng, công ty nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Điều 39 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Công ty đại chúng theo quy định tại khoản 5 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 phải nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Điều 39 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành.

7. Công ty đại chúng có cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trước ngày Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành thì thực hiện hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

8. Doanh nghiệp cổ phần hóa đã thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom trước ngày Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành nhưng chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc

đăng ký công ty đại chúng thì bị hủy đăng ký giao dịch sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

9. Trước khi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các thành viên của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thực hiện các hoạt động, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này áp dụng đối với thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

10. Sau khi Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các hoạt động trong Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam thực hiện sắp xếp lại các Bảng niên yết theo lộ trình do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con chính thức hoạt động, thành viên của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện các hoạt động, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Nghị định này áp dụng đối với thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và phải làm thủ tục đăng ký thành viên với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

11. Sau khi Nghị định này có hiệu lực, Kho bạc Nhà nước được tiếp tục tham gia giao dịch công cụ nợ mà không phải thực hiện thủ tục đăng ký tham gia lại với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con.

12. Các quy định hủy niêm yết bắt buộc cổ phiếu của công ty đại chúng trong trường hợp vốn chủ sở hữu âm trong báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán tại điểm e khoản 1 Điều 120 Nghị định này, tổ chức kiểm toán có ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính năm trong 03 năm liên tiếp tại điểm h khoản 1 Điều 120

Nghị định này và tổ chức niêm yết không hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Sở giao dịch chứng khoán tại điểm o khoản 1 Điều 120 Nghị định này áp dụng sau 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

13. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm phải được triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian chưa triển khai hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

14. Các thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được phép tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán như thành viên bù trừ trực tiếp theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chính thức triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm. Sau thời hạn này, chỉ thành viên bù trừ mới được tham gia hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

15. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ quy định tại khoản 3 Điều 156 Nghị định này sẽ thay thế quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ và quỹ phòng ngừa rủi ro thanh toán chứng khoán phái sinh theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ và quỹ phòng ngừa rủi ro thanh toán chứng khoán phái sinh của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực được kết chuyển toàn bộ vào quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ quy định tại khoản 3 Điều 156 Nghị định này.

16. Chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được sử dụng làm tài sản bảo đảm trong các giao dịch bảo đảm đã được đăng ký tại các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 không phải đăng ký lại tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Nghị định này. Việc thay đổi, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các chứng khoán nêu trên được thực hiện tại các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

17. Công ty chứng khoán đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động quy định tại khoản 3 Điều 86 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 trước thời điểm Luật này có hiệu lực nhưng không được cấp phép thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành được tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký nêu trên.

18. Đối với các quỹ thành viên được thành lập trước ngày Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành, các tổ chức góp vốn vào quỹ thành viên và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán được tiếp tục sở hữu chứng chỉ quỹ tương ứng với phần vốn đã góp vào quỹ.

19. Các tổ chức đã ký hợp đồng là đại lý phân phối chứng chỉ quỹ của các quỹ đại chúng thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện hợp đồng làm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và phải thực hiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Điều 219, Điều 220 Nghị định này trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

20. Công ty đại chúng có trách nhiệm xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định này và các văn bản pháp luật có liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp gần nhất tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 311. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ)

Mẫu	Tên mẫu
Mẫu số 01	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành
Mẫu số 02	Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành
Mẫu số 03	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
Mẫu số 04	Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu ra công chúng
Mẫu số 05	Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
Mẫu số 06	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng
Mẫu số 07	Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
Mẫu số 08	Cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu ra công chúng
Mẫu số 09	Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch
Mẫu số 10	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ
Mẫu số 11	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi
Mẫu số 12	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để chào mua công khai
Mẫu số 13	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất
Mẫu số 14	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập
Mẫu số 15	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ
Mẫu số 16	Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Mẫu số 17	Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

Mẫu số 18	Báo cáo phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền
Mẫu số 19	Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra nước ngoài/Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài
Mẫu số 20	Bản công bố thông tin phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài
Mẫu số 21	Giấy đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở cổ phiếu đang lưu hành tại Việt Nam
Mẫu số 22	Bản công bố thông tin hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài
Mẫu số 23	Giấy đăng ký chào mua công khai
Mẫu số 24	Công bố thông tin chào mua công khai
Mẫu số 25	Giấy đăng ký thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Mẫu số 26	Giấy đăng ký thành viên của công ty chứng khoán hình thành sau hợp nhất
Mẫu số 27	Giấy đề nghị hủy bỏ tư cách thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Mẫu số 28	Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu/trái phiếu/chứng chỉ quỹ
Mẫu số 29	Bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu/trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán
Mẫu số 30	Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu
Mẫu số 31	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết chứng khoán
Mẫu số 32	Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng khoán
Mẫu số 33	Giấy đề nghị chấp thuận việc đăng ký niêm yết chứng khoán tại Việt Nam của tổ chức phát hành nước ngoài
Mẫu số 34	Giấy đề nghị chấp thuận việc đăng ký niêm yết, giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài
Mẫu số 35	Bản công bố thông tin về việc niêm yết chứng chỉ lưu ký tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài

Mẫu số 36	Giấy đề nghị đăng ký giao dịch
Mẫu số 37	Giấy đề nghị thay đổi đăng ký giao dịch
Mẫu số 38	Thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa
Mẫu số 39	Thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa
Mẫu số 40	Giấy đề nghị chấp thuận chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp
Mẫu số 41	Giấy đăng ký mã số giao dịch chứng khoán
Mẫu số 42	Danh mục tài liệu nhận diện tổ chức, cá nhân đăng ký mã số giao dịch chứng khoán
Mẫu số 43	Giấy đề nghị hủy mã số giao dịch chứng khoán
Mẫu số 44	Báo cáo thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân đã được cấp mã số giao dịch chứng khoán
Mẫu số 45	Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán
Mẫu số 46	Giấy đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán
Mẫu số 47	Giấy đăng ký thành viên lưu ký
Mẫu số 48	Giấy đăng ký thành viên bù trừ
Mẫu số 49	Giấy đăng ký tài khoản nhận tiền rút ký quỹ, thanh toán
Mẫu số 50	Giấy đề nghị thay đổi loại thành viên bù trừ
Mẫu số 51	Giấy đăng ký làm ngân hàng thanh toán
Mẫu số 52	Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm
Mẫu số 53	Bảng kê chứng khoán đề nghị đăng ký biện pháp bảo đảm
Mẫu số 54	Phiếu yêu cầu thay đổi/sửa chữa sai sót biện pháp bảo đảm
Mẫu số 55	Bảng kê chứng khoán đề nghị thay đổi/sửa chữa sai sót biện pháp bảo đảm
Mẫu số 56	Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận của hai bên
Mẫu số 57	Bảng kê chứng khoán đề nghị xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo thỏa thuận của hai bên

Mẫu số 58	Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của một bên hoặc theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự
Mẫu số 59	Bảng kê chứng khoán đề nghị xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của một bên hoặc theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự
Mẫu số 60	Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm và hai bên có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý và xử lý tài sản đảm bảo với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
Mẫu số 61	Bảng kê chứng khoán đề nghị xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu của bên nhận bảo đảm và hai bên có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý và xử lý tài sản đảm bảo với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
Mẫu số 62	Văn bản xác nhận việc đăng ký, thay đổi biện pháp bảo đảm, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm
Mẫu số 63	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin đăng ký biện pháp bảo đảm
Mẫu số 64	Giấy đăng ký thành lập vào hoạt động kinh doanh chứng khoán
Mẫu số 65	Thuyết minh cơ sở vật chất
Mẫu số 66	Danh sách nhân sự
Mẫu số 67	Bản thông tin cá nhân
Mẫu số 68	Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn
Mẫu số 69	Giấy đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán/giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện
Mẫu số 70	Báo cáo tình hình xử lý hợp đồng đã ký với khách hàng
Mẫu số 71	Thông báo hoạt động văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 72	Giấy đăng ký tăng, giảm vốn điều lệ
Mẫu số 73	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Mẫu số 74	Giấy đề nghị chấp thuận lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài

Mẫu số 75	Giấy đề nghị thành lập (đóng cửa) chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của công ty chứng khoán
Mẫu số 76	Giấy đề nghị sửa đổi quyết định chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện
Mẫu số 77	Giấy đăng ký chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ
Mẫu số 78	Báo cáo kết quả đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong nước
Mẫu số 79	Giấy đề nghị chấp thuận tổ chức lại
Mẫu số 80	Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập
Mẫu số 81	Phương án hợp nhất, sáp nhập
Mẫu số 82	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán
Mẫu số 83	Giấy đề nghị tạm ngừng hoạt động kinh doanh chứng khoán
Mẫu số 84	Phương án xử lý tài khoản/hợp đồng đã ký với khách hàng
Mẫu số 85	Giấy đề nghị cấp (cấp lại) chứng chỉ hành nghề chứng khoán
Mẫu số 86	Báo cáo của người được cấp chứng chỉ hành nghề, thông báo mất chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán
Mẫu số 87	Thông báo về tình hình người hành nghề chứng khoán
Mẫu số 88	Giấy đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ
Mẫu số 89	Giấy ủy quyền cho chi nhánh, phòng giao dịch thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ
Mẫu số 90	Thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự phục vụ hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ
Mẫu số 91	Bản thông tin cá nhân
Mẫu số 92	Giấy đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán/thành lập công ty đầu tư chứng khoán
Mẫu số 93	Danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia góp vốn lập quỹ thành viên

Mẫu số 94	Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ/Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán
Mẫu số 95	Phương án hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
Mẫu số 96	Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán
Mẫu số 97	Giấy đề nghị giải thể quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
Mẫu số 98	Báo cáo kết quả giải thể, thanh lý tài sản của quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán
Mẫu số 99	Phương án chào bán chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng ra công chúng
Mẫu số 100	Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán ra công chúng
Mẫu số 101	Danh sách thành viên Ban đại diện quỹ, Tổng giám đốc, người điều hành, nhân viên nghiệp vụ thẩm định giá bất động sản
Mẫu số 102	Báo cáo kết quả chào bán công chúng
Mẫu số 103	Danh sách nhà đầu tư góp vốn bằng bất động sản
Mẫu số 104	Danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư
Mẫu số 105	Danh sách cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các nhân viên nghiệp vụ, nhân viên thẩm định giá bất động sản của công ty đầu tư chứng khoán

Mẫu số 01

TÊN CÔNG TY**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO TIỀN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

*(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành số.../UBCK-GCN
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.../.../20...
hoặc Công văn số... ngày.../.../20... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo
nhận được đầy đủ hồ sơ...)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
 - Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):.....

II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Tên chứng khoán:

2. Loại chứng khoán:
3. Mệnh giá:
4. Số lượng chứng khoán đã phát hành:
5. Tổng vốn/số tiền đã huy động:..... đồng, trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án:đồng.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành:

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

1. Tiến độ dự án theo kế hoạch đã công bố:
2. Tiến độ dự án hiện tại:
3. Những thay đổi (nếu có):
4. Lý do thay đổi (nếu có):
5. Báo cáo tiến độ được công bố thông tin tại:..... từ ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02**TÊN CÔNG TY****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.... /.....

....., ngày... tháng... năm 20...

**BÁO CÁO THAY ĐỔI PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN
THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH**

*(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán/phát hành số..../UBCK-GCN
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.../.../20...
hoặc Công văn số... ngày.../.../20... của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo
nhận được đầy đủ hồ sơ...)*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*:
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.
 - Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:

II. CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH

1. Tên chứng khoán:

2. Loại chứng khoán:
3. Mệnh giá:
4. Số lượng chứng khoán đã phát hành:
5. Tổng vốn/số tiền đã huy động:..... đồng, trong đó phần vốn/số tiền huy động cho dự án:..... đồng.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành:

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN/SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN/PHÁT HÀNH

1. Phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành:
2. Phương án thay đổi:
3. Lý do thay đổi:
4. Căn cứ thay đổi:..... (Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông..., Nghị quyết Hội đồng quản trị...)
5. Phương án thay đổi được công bố thông tin tại:.... ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03

TÊN CÔNG TYCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../.....

....., ngày... tháng... năm 20....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU
LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG
Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
 - Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành:(có/không).

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi: cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu: cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):

III. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU:

IV. HÌNH THỨC CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG:

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu:
2. Loại cổ phiếu:
3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng/cổ phiếu.
4. Giá chào bán cao nhất dự kiến: đồng/cổ phiếu.
5. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: đồng/cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: cổ phiếu.

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu tổ chức phát hành đăng ký chào bán: cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu cổ đông/thành viên đăng ký chào bán: cổ phiếu.
- 7. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: đồng.

Trong đó:

- Giá trị vốn huy động dự kiến của tổ chức phát hành (*tương ứng với số lượng cổ phiếu tổ chức phát hành đăng ký chào bán*): đồng.

- Giá trị vốn dự kiến thu được của cổ đông/thành viên (*tương ứng với số lượng cổ phiếu cổ đông/thành viên chào bán*): đồng.

8. Thời gian dự kiến chào bán:

9. Phương thức phân phối (*thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành, đấu giá,...*):

VI. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN (*đối với trường hợp chào bán có huy động thêm vốn của tổ chức phát hành*)

(*Nêu phương án sử dụng, tiến độ dự kiến sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có)*)

VII. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn:

2. Tổ chức kiểm toán:

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành (*nếu có*):

4. Bên liên quan khác (*nếu có*):

VIII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành (*nếu có*) không phải người có liên quan với tổ chức phát hành.

- Sử dụng vốn huy động (*nếu có*) đúng mục đích đã nêu trong Bản cáo bạch.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

IX. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, việc niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
3. Bản cáo bạch;
4. Điều lệ công ty;
5. Báo cáo tài chính;
6. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;
7. Cam kết bảo lãnh phát hành (*nếu có*);
8. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
9. Văn bản cam kết triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu;
10. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
11. Văn bản cam kết nắm giữ cổ phiếu;
12. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;
13.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CAM KẾT BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG****Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)****I. CÁC BÊN THAM GIA CAM KẾT****1. Tổ chức bảo lãnh phát hành (dưới đây gọi là Bên bảo lãnh)**

- Tên tổ chức bảo lãnh phát hành *(tên của tổ chức bảo lãnh phát hành chính trong trường hợp bảo lãnh phát hành theo tổ hợp)*:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.

- Giấy phép thành lập và hoạt động:.....

- Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà)..... *(ghi rõ họ tên, chức vụ)*.

2. Tổ chức phát hành (dưới đây gọi là Bên được bảo lãnh)

- Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:..... Website:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.

- Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà)..... *(ghi rõ họ tên, chức vụ)*

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN BẢO LÃNH

Chúng tôi gồm Bên bảo lãnh và Bên được bảo lãnh cùng nhau ký Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu... (*tên cổ phiếu*) theo các điều khoản sau:

Điều 1. Cổ phiếu được bảo lãnh phát hành

1. Tên cổ phiếu:
2. Loại cổ phiếu:
3. Mệnh giá: đồng/cổ phiếu.
4. Thời gian dự kiến phát hành:
5. Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán: cổ phiếu.
6. Tổng số cổ phiếu cam kết bảo lãnh:..... cổ phiếu; tương đương.....% tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán.

Trong đó:

Tên tổ chức bảo lãnh	Số lượng cổ phiếu cam kết bảo lãnh	% tổng số lượng cổ phiếu cam kết bảo lãnh	% tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán
Tổ chức bảo lãnh chính Tổ chức bảo lãnh.... Tổ chức bảo lãnh....			
Tổng		100	

7.

Điều 2. Phương thức bảo lãnh

Bên bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành cổ phiếu theo phương thức (*nêu một trong các phương thức dưới đây*):

- Cam kết mua một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu của tổ chức phát hành (nêu cụ thể giá chào bán chứng khoán ra công chúng, giá chiết khấu cho tổ chức bảo lãnh, phí bảo lãnh) hoặc
- Cam kết mua toàn bộ số cổ phiếu còn lại chưa được phân phối hết (nêu cụ thể giá chào bán chứng khoán ra công chúng, giá chiết khấu cho tổ chức bảo lãnh, phí bảo lãnh) hoặc

- Cam kết cố gắng tối đa để phân phối số cổ phiếu cần phát hành của tổ chức phát hành (*ghi cụ thể nội dung cam kết*):

-

Điều 3. Phân phối cổ phiếu

- Phương thức: (*nêu rõ các phương thức ưu tiên trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng*):

- Thời gian phân phối dự kiến: từ ngày.../.../... đến ngày.../.../...

- Thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu:

- Thời gian chuyển giao cổ phiếu cho người mua:

-

Điều 4. Thời hạn và phương thức thanh toán

- Thời hạn và phương thức thanh toán tiền thu được từ đợt chào bán:

- Thời hạn và phương thức thanh toán phí bảo lãnh phát hành:

-

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh

- Chịu trách nhiệm đứng ra tổ chức thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc lập, chỉnh sửa và gửi Hồ sơ đăng ký chào bán (*nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ*).

- Chịu chi phí liên quan đến việc đăng ký chào bán (*nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ*):

+ Chi phí lập hồ sơ:

+ Chi phí in ấn (hoặc mua) chứng chỉ cổ phiếu:

+

- Có quyền được thông báo về kế hoạch, tiến độ, phương thức phân phối cổ phiếu của Bên bảo lãnh.

-

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên bảo lãnh

- Phối hợp với Bên được bảo lãnh lập Hồ sơ đăng ký chào bán (*nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ*).

- Lập kế hoạch, tổ chức phân phối cổ phiếu.
- Thông báo cho Bên được bảo lãnh biết về kế hoạch, tiến độ phân phối khi Bên được bảo lãnh yêu cầu.
- Thông báo ra công chúng các thông tin liên quan đến quá trình chào bán, phân phối và chuyển giao cổ phiếu.
- Chịu chi phí liên quan đến việc phân phối số cổ phiếu nhận bảo lãnh (nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ).
- Được hưởng phí bảo lãnh phát hành.
-

III. TRƯỜNG HỢP HỦY BỎ CAM KẾT

- Bên được bảo lãnh được quyền hủy bỏ Cam kết bảo lãnh phát hành trong các trường hợp sau:.....
- Bên bảo lãnh được quyền hủy bỏ Cam kết bảo lãnh phát hành trong các trường hợp sau:.....
- Trách nhiệm và nghĩa vụ của các Bên:
-

IV. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM CAM KẾT *(nêu rõ các điều khoản phạt khi các bên vi phạm cam kết)*

-

V. GIẢI QUYẾT CHANH CHẤP

-

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Cam kết này được lập thành... bản tại..., mỗi bên giữ... bản, 01 bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong hồ sơ đăng ký chào bán.

.....

..., ngày... tháng... năm 20...

BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH
TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN BẢO LÃNH
TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05

TÊN CÔNG TY**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm 20...

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: (có/không).

10. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (*trường hợp hợp nhất*) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: (có/không).

11. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (*sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản*), trường hợp tách công ty (*với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách*) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: (có/không).

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):
- Tổng số cổ phiếu quỹ: cổ phiếu.
- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất:
- + Số lượng cổ phiếu mua lại: cổ phiếu.
- + Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu:

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi:
- Tổng số cổ phiếu: cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):

III. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU:

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu:

2. Loại cổ phiếu:
3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng/cổ phiếu.
4. Giá chào bán cao nhất dự kiến:..... đồng/cổ phiếu.
5. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: đồng/cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: cổ phiếu.
7. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
8. Tỷ lệ thực hiện quyền (*trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ*):.....
9. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: đồng.
10. Tỷ lệ chào bán thành công (*trường hợp chào bán để thực hiện dự án*):.....
11. Thời gian dự kiến chào bán:
12. Phương thức phân phối (*thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành hay đấu giá,...*):.....

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(*Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có)*)

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn:
2. Tổ chức kiểm toán:
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành (*nếu có*):
4. Bên liên quan khác (*nếu có*):

VII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành (*nếu có*) không phải người có liên quan với tổ chức phát hành.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích đã nêu trong Bản cáo bạch.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VIII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn, việc niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

3. Bản cáo bạch;

4. Điều lệ công ty;

5. Báo cáo tài chính;

6. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;

7. Cam kết bảo lãnh phát hành (*nếu có*);

8. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;

9. Văn bản cam kết triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu;

10. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;

11. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;

12. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án, phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán *(nếu có)*;

13. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán trong 2 năm *(nếu có)*;

14.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

TÊN CỔ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20..

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ CỔ ĐÔNG ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN**Đối với cổ đông là tổ chức đăng ký chào bán:**

1. Tên tổ chức đăng ký chào bán (đầy đủ):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):.....
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):.....

Đối với cổ đông là cá nhân đăng ký chào bán:

1. Tên cá nhân đăng ký chào bán (đầy đủ):.....
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu.....
cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

4. Địa chỉ hộ khẩu thường trú:

5. Địa chỉ liên hệ:

6. Điện thoại:

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tên tổ chức có cổ phiếu được chào bán (*đầy đủ*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax: Website:

4. Vốn điều lệ: đồng.

5. Mã cổ phiếu (*nếu có*):

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Số hiệu tài khoản:

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*).

- Ngành nghề kinh doanh chính: Mã ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

8. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*):

9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: (*có/không*).

III. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU:

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu:

2. Loại cổ phiếu:

3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu sở hữu:..... cổ phiếu, chiếm...% số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Trong đó: Số lượng cổ phiếu được phép tự do chuyển nhượng:..... cổ phiếu.

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán:..... cổ phiếu.

6. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán trên tổng số cổ phiếu sở hữu:.....
7. Giá chào bán: đồng/cổ phiếu.
8. Thời gian dự kiến chào bán:
9. Phương thức phân phối (*thông qua đại lý phát hành hay đấu giá,...*):.....
10. Phương án đảm bảo việc chào bán đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty có cổ phiếu được chào bán:
11. Việc chuyển nhượng cổ phiếu phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (*đối với trường hợp tổ chức có cổ phiếu được chào bán có ngành, nghề kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện*): ... (có/không).

V. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn:
2. Tổ chức kiểm toán:
3. Bên liên quan khác (*nếu có*):.....

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Chúng tôi/Tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi/Tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải người có liên quan của cổ đông đăng ký chào bán.

- Cổ phiếu đăng ký chào bán là cổ phiếu được phép chuyển nhượng.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án chào bán (*đối với cổ đông là tổ chức*);

2. Bản cáo bạch;
3. Sổ đăng ký cổ đông hoặc giấy xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam/thành viên lưu ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần;
4. Báo cáo tài chính của tổ chức có cổ phiếu được chào bán;
5. Hợp đồng tư vấn;
6. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;
7.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 07

TÊN CÔNG TY**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../.....

....., ngày... tháng... năm 20....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**Trái phiếu:..... (tên trái phiếu)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành:(có/không).
10. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (trường hợp hợp nhất) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán:(có/không).

11. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (*sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản*), trường hợp tách công ty (*với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách*) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: (*có/không*).

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

III. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên trái phiếu:
2. Loại trái phiếu:
3. Mệnh giá trái phiếu: đồng/trái phiếu.
4. Số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: trái phiếu.
5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán (*theo mệnh giá*): đồng.
6. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu tính theo mệnh giá trên tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành tính theo mệnh giá: %
7. Giá chào bán: đồng/trái phiếu.
8. Lãi suất: %/năm.
9. Kỳ hạn trái phiếu:
10. Kỳ trả lãi:
11. Điều khoản mua lại trái phiếu, mua lại trái phiếu trước hạn (*nếu có*):
12. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi*):
 - Thời hạn chuyển đổi:
 - Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính tỷ lệ chuyển đổi:
 - Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
 - Các điều khoản khác (*nếu có*):
13. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền*):
 - Thời hạn thực hiện quyền:
 - Tỷ lệ thực hiện quyền:
 - Giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền hoặc nguyên tắc tính cổ phiếu thực hiện chứng quyền:

- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
- Các điều khoản khác (nếu có):
- 14. Các thông tin khác liên quan trái phiếu có bảo đảm (trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm):
 - Hình thức bảo đảm:
 - Giá trị trái phiếu được bảo đảm:
 - Bảo đảm bằng bảo lãnh thanh toán (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng bảo lãnh):
 - + Tên tổ chức bảo lãnh thanh toán:
 - + Giá trị bảo lãnh:
 - Bảo đảm bằng tài sản (trường hợp bảo đảm thanh toán bằng tài sản):
 - + Tài sản bảo đảm:
 - + Giá trị tài sản bảo đảm:
 - + Chủ sở hữu tài sản bảo đảm:
 - + Tổ chức nhận tài sản bảo đảm:
 - Đại diện người sở hữu trái phiếu:
- 15. Thứ tự ưu tiên thanh toán trái phiếu:
- 16. Thông tin về trái phiếu đã phát hành hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành
 - Tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành của tổ chức phát hành: đồng, trong đó:
 - + Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng: đồng.
 - + Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.
 - Tổng giá trị trái phiếu huy động trong 12 tháng gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán: đồng, trong đó:
 - + Tổng giá trị trái phiếu chào bán ra công chúng: đồng.
 - + Tổng giá trị trái phiếu chào bán riêng lẻ: đồng.
- 17. Tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán trên tổng giá trị trái phiếu hiện đang lưu hành: %.
- 18. Thời gian dự kiến chào bán:
- 19. Phương thức phân phối (thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phân phối...):

IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

V. CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn:
2. Tổ chức kiểm toán:
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành *(nếu có)*:
4. Đại diện người sở hữu trái phiếu *(nếu có)*:
5. Bên liên quan khác *(nếu có)*:

VI. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành không phải người có liên quan với tổ chức phát hành *(nếu có)*.

- Lựa chọn đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định *(nếu có)*.

- Không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm *(trừ trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền)*.

- Sử dụng vốn huy động đúng mục đích đã nêu trong Bản cáo bạch.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

2. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng; niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;
4. Bản cáo bạch;
5. Điều lệ công ty;
6. Báo cáo tài chính;
7. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
8. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
9. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;
10. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán;
11. Văn bản cam kết về việc triển khai niêm yết trái phiếu;
12.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CAM KẾT BẢO LÃNH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG****Trái phiếu..... (tên trái phiếu)****I. CÁC BÊN THAM GIA CAM KẾT**

1. Tổ chức bảo lãnh phát hành (dưới đây gọi là Bên bảo lãnh)

- Tên tổ chức bảo lãnh phát hành (tên của tổ chức bảo lãnh phát hành chính trong trường hợp bảo lãnh phát hành theo tổ hợp):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).

- Giấy phép thành lập và hoạt động:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà)..... (ghi rõ họ tên, chức vụ).

2. Tổ chức phát hành (dưới đây gọi là Bên được bảo lãnh)

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:..... Website:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).

- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

- Người đại diện theo pháp luật: Ông (Bà)..... (ghi rõ họ tên, chức vụ)

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN BẢO LÃNH

Chúng tôi gồm Bên bảo lãnh và Bên được bảo lãnh cùng nhau ký Cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu... (tên trái phiếu) theo các điều khoản sau:

Điều 1. Trái phiếu được bảo lãnh phát hành

1. Tên trái phiếu:
2. Loại trái phiếu:
3. Mệnh giá: đồng/trái phiếu.
4. Thời hạn: năm.
5. Kỳ hạn trả lãi:
6. Lãi suất:%/năm.
7. Thời gian chào bán dự kiến:
8. Tổng số lượng trái phiếu đăng ký chào bán: trái phiếu.
9. Tổng số lượng trái phiếu cam kết bảo lãnh: ...trái phiếu, tương đương.....% tổng số trái phiếu đăng ký chào bán.

Trong đó:

Tên tổ chức bảo lãnh	Số lượng trái phiếu cam kết bảo lãnh phát hành	% tổng số lượng trái phiếu cam kết bảo lãnh	% tổng số lượng trái phiếu đăng ký chào bán
Tổ chức bảo lãnh chính Tổ chức bảo lãnh... Tổ chức bảo lãnh...			
Tổng		100%	

10.....

Điều 2. Phương thức bảo lãnh

Bên bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành trái phiếu theo phương thức (nêu một trong các phương thức dưới đây):

- Cam kết mua một phần hoặc toàn bộ trái phiếu của tổ chức phát hành (nêu cụ thể giá chào bán chứng khoán ra công chúng, giá chiết khấu cho tổ chức bảo lãnh, phí bảo lãnh) hoặc
- Cam kết mua toàn bộ số trái phiếu còn lại chưa được phân phối hết (nêu cụ thể giá chào bán chứng khoán ra công chúng, giá chiết khấu cho tổ chức bảo lãnh, phí bảo lãnh) hoặc

- Cam kết cố gắng tối đa để phân phối số trái phiếu cần phát hành của tổ chức phát hành (*ghi cụ thể nội dung cam kết*):

-

Điều 3. Phân phối trái phiếu

- Phương thức (*nêu rõ các phương thức ưu tiên trong trường hợp số lượng trái phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng trái phiếu phát hành ra công chúng*):

- Thời gian phân phối dự kiến: từ ngày.../.../.....

- Thời gian nhận đăng ký mua trái phiếu:.....

- Thời gian chuyển giao trái phiếu cho người mua:

-

Điều 4. Thời hạn và phương thức thanh toán

- Thời hạn và phương thức thanh toán tiền thu được từ đợt chào bán:

- Thời hạn và phương thức thanh toán phí bảo lãnh phát hành:.....

-

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh

- Chịu trách nhiệm đứng ra tổ chức thực hiện tất cả các công việc liên quan đến việc lập, chỉnh sửa và gửi Hồ sơ đăng ký chào bán (*nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ*).

- Chịu chi phí liên quan đến việc đăng ký chào bán (*nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ*):.....

+ Chi phí lập hồ sơ:.....

+ Chi phí in ấn (hoặc mua) chứng chỉ trái phiếu:

+

- Có quyền được thông báo về kế hoạch, tiến độ, phương thức phân phối trái phiếu của Bên bảo lãnh.

-

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên bảo lãnh

- Phối hợp với Bên được bảo lãnh lập Hồ sơ đăng ký chào bán (*nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ*).

- Lập kế hoạch, tổ chức phân phối trái phiếu.

- Thông báo cho Bên được bảo lãnh biết về kế hoạch, tiến độ phân phối khi Bên được bảo lãnh yêu cầu.

- Thông báo ra công chúng các thông tin liên quan đến quá trình phát hành, phân phối và chuyển giao trái phiếu.

- Chịu chi phí liên quan đến việc phân phối số trái phiếu nhận bảo lãnh *(nếu có thỏa thuận khác phải ghi rõ)*.

- Được hưởng phí bảo lãnh phát hành.

-

III. TRƯỜNG HỢP HỦY BỎ CAM KẾT

- Bên được bảo lãnh được quyền hủy bỏ Cam kết bảo lãnh phát hành trong các trường hợp sau:.....

- Bên bảo lãnh được quyền hủy bỏ Cam kết bảo lãnh phát hành trong các trường hợp sau:.....

- Trách nhiệm và nghĩa vụ của các Bên:

IV. TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM CAM KẾT *(nêu rõ các điều khoản phạt khi các bên vi phạm cam kết)*

.....

V. GIẢI QUYẾT CHANH CHẤP

.....

VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

Cam kết này được lập thành... bản tại..., mỗi bên giữ...bản, 01 bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong hồ sơ đăng ký chào bán.

.....

BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH
TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm 20...
BÊN BẢO LÃNH
TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 09

TÊN CÔNG TY**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số.../UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.../.../20...)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:.....Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nếu thông tin thay đổi lần gần nhất).

- Ngành nghề kinh doanh chính:.....Mã ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP:.....**III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC (ghi theo từng đợt)**

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: cổ phiếu/trái phiếu
- Ngày kết thúc đợt chào bán:
-

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số.../UBCK-GCN ngày.../.../20...)

1. Thông tin về tài chính:

2. Các thông tin khác:

V. CHỮ KÝ (Chữ ký của những người đã ký trong Bản cáo bạch hoặc những người có chức danh tương đương)

TÊN CÔNG TY**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm 20...

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ/
CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI KÈM CHỨNG QUYỀN RIÊNG LẺ****Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: (có/không).

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:**III. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****1. Cổ phiếu phổ thông**

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành:..... cổ phiếu.

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):
- Tổng số cổ phiếu quỹ: cổ phiếu.
- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất:
- + Số lượng cổ phiếu mua lại: cổ phiếu.
- + Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu:

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi:
- Tổng số cổ phiếu: cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu:
2. Loại cổ phiếu (*nêu rõ các đặc điểm liên quan đến cổ phiếu đăng ký chào bán trong trường hợp cổ phiếu đăng ký chào bán không phải là cổ phiếu phổ thông*):
3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng/cổ phiếu.
4. Giá chào bán cao nhất dự kiến: đồng/cổ phiếu.
5. Giá chào bán thấp nhất dự kiến: đồng/cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: cổ phiếu.
7. Thời gian hạn chế chuyển nhượng:
8. Tổng số tiền huy động dự kiến: đồng.
9. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
10. Các điều khoản của chứng quyền kèm theo cổ phiếu ưu đãi (*trường hợp phát hành cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền*):
 - Thời hạn thực hiện quyền:
 - Tỷ lệ thực hiện quyền:

- Giá phát hành và nguyên tắc tính giá phát hành cổ phiếu:.....
- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài:
- Các điều khoản khác (nếu có):

11. Thời gian chào bán dự kiến:

12. Đợt chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ gần nhất (cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi/trái phiếu kèm chứng quyền/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền/cổ phiếu để hoán đổi nợ/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn):

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu/trái phiếu đã phát hành:.....
- Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành:

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(Nêu phương án sử dụng, tiến độ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và nguồn vốn đối ứng khác (nếu có))

VI. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán:
2. Danh sách dự kiến (đính kèm):.....

ST T	Tên nhà đầu tư	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đối tượng		Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt chào bán	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt chào bán (%)
			Nhà đầu tư chiến lược/Nhà đầu tư chuyên nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước			
1							
2							
...							

3. Quan hệ của các đối tượng được chào bán với tổ chức phát hành, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc (nếu có):.....

VII. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn (nếu có):.....

2. Bên liên quan khác (nếu có):

VIII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nhà đầu tư tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán và/hoặc quy định tại Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán.

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.

- Sử dụng số tiền huy động đúng mục đích.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

IX. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua tiêu chí lựa chọn đối tượng được chào bán và danh sách dự kiến được chào bán;

4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
6. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo;
7. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa;
8. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt chào bán cho nhà đầu tư *(nếu có)*;
9. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán *(nếu có)*;
10.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 11**TÊN CÔNG TY****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm 20...

GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI*(cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác/cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng/cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn)***Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành *(đầy đủ)*:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu *(nếu có)*:
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*.
 - Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành)*:
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành: *(có/không)*.
10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: *(có/không)*.

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

1. Tên tổ chức (*đầy đủ*):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (*nếu có*):.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*).
- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:
7. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*):
8. Mọi quan hệ với tổ chức phát hành (*nếu có*):.....

III. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành:..... cổ phiếu.
 - Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu.
 - Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*):..... đồng.
 - Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):.....
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: cổ phiếu.
 - Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất:.....
 - + Số lượng cổ phiếu mua lại:..... cổ phiếu.
 - + Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu:
2. Cổ phiếu ưu đãi
 - Loại cổ phiếu ưu đãi:.....

- Tổng số cổ phiếu: cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):.....

IV. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu:
2. Loại cổ phiếu:
3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng/cổ phiếu.
4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: cổ phiếu.
5. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
6. Tỷ lệ hoán đổi:
7. Hạn chế chuyển nhượng:
8. Thời gian dự kiến phát hành:
9. Đợt chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ gần nhất (*cổ phiếu/trái phiếu chuyển đổi/trái phiếu kèm chứng quyền/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền/cổ phiếu để hoán đổi nợ/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng khác/cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn*):

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu/trái phiếu đã phát hành:.....
- Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành:

VI. ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH

1. Tiêu chí lựa chọn đối tượng phát hành để hoán đổi cổ phiếu:
2. Danh sách dự kiến (đính kèm):.....

STT	Tên nhà đầu tư	Số Giấy CMND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Nhà đầu tư nước ngoài/Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ/Nhà đầu tư trong nước	Số lượng cổ phiếu sở hữu trước đợt phát hành	Số lượng cổ phiếu dự kiến được phân phối (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau đợt phát hành (%)
1						
2						
...						

3. Quan hệ của các đối tượng phát hành với tổ chức phát hành, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc của tổ chức phát hành (nếu có):

VII. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn (nếu có):
2. Tổ chức kiểm toán:
3. Bên liên quan khác (nếu có):

VIII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

IX. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu;
3. Văn bản cam kết của nhà đầu tư về cổ phần, phần vốn góp được tự do chuyển nhượng;

4. Báo cáo tài chính;
5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
6. Văn bản cam kết của tổ chức phát hành đảm bảo không vi phạm quy định về sở hữu chéo;
7. Văn bản của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về tập trung kinh tế *(nếu có)*;
8. Tài liệu cung cấp thông tin về đợt phát hành cho nhà đầu tư *(nếu có)*;
9. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;
10. Văn bản chấp thuận về nguyên tắc của các đối tượng được hoán đổi *(trường hợp hoán đổi cho cổ đông xác định công ty đại chúng khác)*;
11. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty đại chúng có cổ phiếu được hoán đổi thông qua việc hoán đổi *(trường hợp hoán đổi cổ phiếu công ty đại chúng khác dẫn đến tỷ lệ phải chào mua công khai)*;
12.

....., ngày.... tháng.... năm 20...
TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CÔNG TY**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ CHÀO MUA CÔNG KHAI**Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
 - Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành:(có/không).
10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo:(có/không).

11. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (*trường hợp hợp nhất*) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: (có/không).

12. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (*sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản*), trường hợp tách công ty (*với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách*) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: (có/không).

II. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI

1. Tên tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi (*đầy đủ*):.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (*nếu có*):.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (*nêu thông tin thay đổi lần gần nhất*).

- Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

7. Giấy phép thành lập và hoạt động (*nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành*):.....

8. Môi quan hệ với tổ chức phát hành (*nếu có*):.....

III. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Cổ phiếu phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành:..... cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*):..... đồng.
- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):.....
- Tổng số cổ phiếu quỹ: cổ phiếu.

- Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất:.....

+ Số lượng cổ phiếu mua lại:..... cổ phiếu.

+ Ngày kết thúc việc mua lại cổ phiếu:

2. Cổ phiếu ưu đãi

- Loại cổ phiếu ưu đãi:.....

- Tổng số cổ phiếu: cổ phiếu.

- Tổng giá trị cổ phiếu (*tính theo mệnh giá hoặc giá thị trường tại thời điểm báo cáo (nếu có)*): đồng.

- Đặc điểm (*nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo*):.....

IV. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu:

2. Loại cổ phiếu:

3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: cổ phiếu.

5. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:

6. Tỷ lệ hoán đổi:

7. Đối tượng phát hành để hoán đổi:

8. Thời gian dự kiến phát hành:

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn:

2. Tổ chức kiểm toán:

3. Đại lý phân phối (*nếu có*):

4. Bên liên quan khác (*nếu có*):

VII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành.

- Việc phát hành không dẫn đến vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VIII. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức phát hành thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, thông qua việc đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

3. Bản cáo bạch;

4. Văn bản cam kết triển khai niêm yết/đăng ký giao dịch;

5. Điều lệ của tổ chức phát hành;

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có);

7. Báo cáo tài chính của tổ chức phát hành, của công ty có cổ phần được hoán đổi;

8. Văn bản cam kết của tổ chức phát hành (nếu có);

9. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu;

10. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;

11.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI
 THEO HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT**

Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu của công ty hợp nhất)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HỢP NHẤT

Tổ chức tham gia hợp nhất 1:

1. Tên tổ chức tham gia hợp nhất 1 (đầy đủ):
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Điện thoại:..... Fax:..... Website:.....
4. Vốn điều lệ:..... đồng.
5. Mã cổ phiếu (nếu có):.....
6. Nơi mở tài khoản thanh toán:..... Số hiệu tài khoản:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp.... do Sở Kế hoạch và Đầu tư.... cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).
 - Ngành nghề kinh doanh chính:..... Mã ngành:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):.....
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành:(có/không).

10. Việc hoán đổi dẫn đến hoạt động tập trung kinh tế thuộc ngưỡng tập trung kinh tế phải thông báo: (có/không).

Tổ chức tham gia hợp nhất 2:

1. Tên tổ chức tham gia hợp nhất 2 (đầy đủ):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax: Website:

4. Vốn điều lệ: đồng.

5. Mã cổ phiếu (nếu có):

6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Số hiệu tài khoản:

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp....do Sở Kế hoạch và Đầu tư....cấp lần đầu ngày....., cấp thay đổi lần thứ.... ngày.... (nêu thông tin thay đổi lần gần nhất).

- Ngành nghề kinh doanh chính:Mã ngành:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

Tổ chức tham gia hợp nhất... (nếu có)

.....

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

III. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu (tên cổ phiếu công ty hợp nhất):

2. Loại cổ phiếu:

3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng/cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: cổ phiếu.

5. Tỷ lệ hoán đổi:

6. Đối tượng phát hành để hoán đổi:

7. Thời gian dự kiến phát hành:

IV. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức tư vấn:
2. Tổ chức kiểm toán:
3. Bên liên quan khác (nếu có):

V. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin không chính xác hoặc thiếu có thể làm cho nhà đầu tư chịu thiệt hại.

2. Chúng tôi cam kết:

- Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành.

- Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.

VI. TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Bản cáo bạch;
3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên/chủ sở hữu công ty thông qua phương án hợp nhất; phương án phát hành để hoán đổi và phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất; niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
4. Hợp đồng hợp nhất;
5. Dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;
6. Báo cáo tài chính của các công ty tham gia hợp nhất;
7. Văn bản của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia về tập trung kinh tế (nếu có);
8. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
9. Văn bản cam kết của các bên tham gia hợp nhất về việc đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán;

10. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu;
11. Quyết định của cấp có thẩm quyền thông qua hồ sơ đăng ký phát hành;
12. Văn bản cam kết triển khai niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu;
13.

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA

HỢP NHẤT 1

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA

HỢP NHẤT 2

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày.... tháng.... năm 20...

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA

HỢP NHẤT...

(Người đại diện theo pháp luật)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 53 + 54)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng